

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 31 / Công Ty CP Acecook Việt Nam/2022

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN ACECOOK VIỆT NAM**

Địa chỉ: **LÔ SỐ II-3, ĐƯỜNG SỐ 11, NHÓM CN II, KHU CÔNG NGHIỆP TÂN BÌNH, PHƯỜNG TÂY THẠNH, QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.**

Điện thoại: **02838154064** Fax: **02838154067**

Email: **info@acecookvietnam.com**

Mã số doanh nghiệp: **0309898687**

Sản phẩm được sản xuất tại các nhà máy của Acecook đã có giấy chứng nhận HACCP

STT	Số giấy CN	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ nhà máy sản xuất
1	VN19/00250	15.10.2019	SGS Việt Nam	Địa chỉ: Lô số II-3, đường số 11, nhóm CN II, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Kí hiệu nhà máy sản xuất: SG
2	VN19/00250	15.10.2019	SGS Việt Nam	Địa chỉ: Khu phố LB- phường An Phú - thành phố Thuận An - tỉnh Bình Dương. Kí hiệu nhà máy sản xuất: BD
3	VN19/00250	15.10.2019	SGS Việt Nam	Địa chỉ: Thị trấn Núi Quỳ - huyện Vĩnh Lân - Hưng Yên. Kí hiệu nhà máy sản xuất: HY

Mã hồ sơ: LMPB12/03.22

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: **MILY THỂ THAO SPORT+ ACTIVE HƯƠNG VỊ BÒ HÂM ĐẬU ĐỎ**

2. Thành phần:

Vật mủ: Bột mì, dầu cọ, tinh bột khoai mì, đường, muối, chất nhũ hóa (486), chất ổn định (451(i), 452(i)), chất tạo xốp (500(i)), phẩm màu curcumin tự nhiên, chất chống oxy hóa (320, 321).

Các gia vị: Protein đậu nành, hỗn hợp vitamin và khoáng chất (vitamin mineral premix V3) 27,56 g/kg (củi, magnezi, sắt, kẽm, vitamin B1, vitamin B6), chất xơ hòa tan inulin 23,62 g/kg, đường, bột protein heo (scorperk D-90), chất thay thế muối (muối kali), đậu đỏ sấy 18,37 g/kg, muối, thịt heo sấy, chất điều vị (621, 631, 627), tôm sấy, hương liệu tổng hợp (hương bò, hương tinh dầu gỗ, hương bò rau thơm, hương đậu đỏ), tinh bột khoai mì, các gia vị (ớt, tỏi, tiêu), chất chống đông vón (551), chiết xuất nấm men, bột kem không sữa, hành lá sấy, chiết xuất thịt bò 1,70 g/kg, phẩm màu paprika oleoresin tự nhiên, dầu cọ.

Nhóm sản phẩm: Thực phẩm bổ sung

Số tiêu chuẩn: **TC: 08-22**

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

5 tháng kể từ ngày sản xuất, ngày sản xuất và hạn sử dụng được in dưới đây ly.

Quy cách in ngày sản xuất và hạn sử dụng:

NSX_ ngày_ tháng_ năm_ ký hiệu nhà máy sản xuất và thông tin khác tùy từng nhà máy.
HSD_ ngày_ tháng_ năm_

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì

Quy cách đóng gói:

Khối lượng tịnh 1 ly (g/ly): **74 g +/- 4,5 g**

Số lượng ly/thùng carton: **12 ly/thùng.**

Chất liệu bao bì:

Sản phẩm được đựng trong ly nhựa cấu trúc PP (polypropylene), bên ngoài ly có quấn giấy, cấu trúc nắp ly: giấy couche/MPET/LLDPE, cấu trúc lớp trong tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm PE (polyetylen). Sau đó các ly thành phẩm được đóng vào thùng carton.

III. Mẫu nhãn sản phẩm:

Nội dung ghi nhãn phù hợp theo nghị định 111/2021/NĐ-CP về nhãn hàng hóa.

Nhãn đính kèm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

1. Giới hạn kim loại nặng: phù hợp QCVN 8-2:2011/RYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức giới hạn tối đa	QCVN 8-2:2011
1	Cadimi (Cd)	mg/kg	0,2	Mục 2.20
2	Chì (Pb)	mg/kg	0,2	Mục 3.18

Mã hồ sơ: LMPB12/03.22

2. Giới hạn độc tố vi nấm: phù hợp QCVN 8-1:2011/BYT. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức giới hạn tối đa	QCVN 8-1:2011
1	Aflatoxin B1	µg/kg	2,0	Mức 1,6
2	Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	4,0	Mức 1,6
3	Ochratoxin A	µg/kg	3,0	Mức 2,2
4	Deoxynivalenol	µg/kg	750,0	Mức 4,4
5	Zearalenone	µg/kg	75,0	Mức 5,3

3. Các chỉ tiêu vi sinh vật: phù hợp QĐ 46/2007/QĐ-BYT. Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm, mục 6.5.1.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức giới hạn tối đa
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	cfu/g	10^6
2	Coli form	cfu/g	10^3
3	E-Coli	cfu/g	10^2
4	S. aureus	cfu/g	10^2
5	CL. Perfringens	cfu/g	10^2
6	B. cereus	cfu/g	10^4
7	Tổng số nấm men, nấm mốc	cfu/g	10^3

4. Chỉ tiêu hóa lý:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức giới hạn tối đa
1	Độ ẩm ướt ml	%	10,0

5. Dao động thành phần dinh dưỡng:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị trên nhãn	Khoảng dao động
1	Giá trị năng lượng (*)	kcal/74 g	310	248 – 372
2	Hàm lượng chất béo	g/74 g	11,0	8,8 – 13,2
3	Hàm lượng carbohydrate	g/74 g	42,8	34,2 – 51,4
4	Hàm lượng chất đạm	g/74 g	10,0	8,0 – 12,0
5	Xơ insulin	g/74 g	1,1 – 2,9	1,1 – 2,9
6	Natri	mg/74 g	900	630 – 1170
7	Kali	mg/74 g	900	630 – 1170
8	Phospho	mg/74 g	120	84 – 156
9	Canxi	mg/74 g	70 – 162	70 – 162
10	Magnesi	mg/74 g	40 – 88	40 – 88
11	Sắt	mg/74 g	3,0 – 7,9	3,0 – 7,9

Mô hình số: LMP812/03.22

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị trên nhãn	Khoảng dao động
12	Kẽm	mg/74 g	2,9 – 10,3	2,9 – 10,3
13	Vitamin B1	mg/74 g	0,9 – 2,2	0,9 – 2,2
14	Vitamin B6	mg/74 g	0,9 – 2,2	0,9 – 2,2

(*) Giá trị năng lượng = hàm lượng chất béo * 9 + hàm lượng carbohydrate * 4 + hàm lượng chất đạm * 4
Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 05 năm 2022
ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP



KANEDA HIROKI
GB, Kinh Marketing
General Manager, Marketing Div

Mô hình số: LMP812/03.22



Số hồ sơ: LAMPH/2013.22

SHIMAMURA MASAFUMI
PGD. Esaki Marketing
Đại diện General Manager Marketing Dn



SHIMAMURA MASAFUMI
PGD. Esaki Marketing
Đại diện General Manager Marketing Dn



Mã hồ sơ: LMP812/03.22

SHIMAMURA MASAFUMI
PGĐ. Khối Marketing
Ticaret Genel Menajer Marketing Div